TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 13-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng; Ông Nguyễn Văn Hoằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-HSST ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Trịnh Ngọc A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân T và bà Trương Thị Y; vợ: Đinh Thị T; con: có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 27/9/2013, bị TAND huyện P, thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 13/02/2015, đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017 chuyển sang tạm giam; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

2/ Trịnh Hoàng N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn V và bà Trần Thị H; vợ: Nguyễn Thị H; con: có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017; Hiện bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3/ Quách Đình K, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn H và bà Nguyễn Thị P; vợ: Nguyễn Thị Liên H; con: có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017; Hiện bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* *Người bị hại*: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn C, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt); Anh Trần Văn T, sinh năm 1987 (Có mặt); Đều địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội.

* *Người làm chứng:*

- Anh Phạm Minh C, sinh năm 1983; vắng mặt.
- Anh Lê Văn N, sinh năm 1978; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 10/12/2017, Trịnh Hoàng N điều khiển xe mô tô 90B1 – 284.18 chở Trịnh Ngọc A đi chơi. Trên đường đi Ngọc A nói với N*"Bây giờ tôi với ông không có tiền, anh em mình đi kiếm cái xe"*. Hiểu ý của Ngọc A là tìm xe mô tô để trộm cắp, N đồng ý và nói *"ừ"*. N chở Ngọc A đến khu vực quán đang xây dựng của anh Nguyễn Hồng P tại khu đô thị H, huyện D, tỉnh Hà Nam thì cả hai phát hiện xe mô tô, loại Airblade, BKS: 90B1 – 152.76 của anh P dựng ngay trước quán, chìa khóa vẫn cắm ổ khóa điện của xe, không có người trông coi. Khi đến cách chiếc xe Airblade khoảng 01m, Ngọc A xuống xe, mở khóa điện, điều khiển xe Airblade và cùng N chạy về hướng xã C, đến khu vực thôn D, xã C, Ngọc A bàn với N bán chiếc xe Airblade vừa trộm cắp được cho Quách Đình K. Trong lúc K đang điều khiển xe ô tô của Phạm Minh C ở B, xã M, huyện P cùng C đi chở hàng ở L, tỉnh H thì Ngọc A gọi điện cho K và nói: "em vừa lấy trộm được cái xe đấy, anh có mua không", K hỏi Ngọc A: "xe gì", Ngọc A nói: "xe Airblade". K hẹn Ngọc A đi qua cầu Y rồi rẽ phải ra đường đê sông Hồng, khu vực thuộc phường M, thành phố Hưng Yên để mua, bán xe. Ngọc A điều khiển xe Airblade, BKS: 90B1 – 152.76 còn N điều khiển xe của mình đến điểm hẹn, khi đến thôn H, xã M, huyện D thì dừng lại, Ngọc A mở cốp xe Airblade, BKS: 90B1 - 152.76 lấy ra 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 sổ điều trị bệnh mang tên Nguyễn Hồng P đưa cho N vứt xuống vệ đê sông Hồng. Ngọc A tiếp tục lấy ra 01 chiếc kìm tháo biển số và 02 gương chiếu hậu của xe Airblade rồi cho tất cả vào cốp xe Airblade. Sau đó cả 02 đến địa điểm mà K đã hẹn. Trong lúc chờ K, Ngọc A mở cốp xe Airblade lấy BKS: 90B1 - 152.76 vứt xuống sông Hồng, lấy 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu xanh, 01 áo mưa màu đen, 01 áo mưa màu vàng của anh P để sang xe của N. Khoảng 15 giờ cùng ngày K điều khiển xe ô tô đến gặp Ngọc A, N, tại đây còn C vẫn ngồi trong xe cách đó khoảng 10m. K hỏi Ngọc A: "xe này lấy trộm ở đâu" Ngọc A nói: "em lấy ở H". Ngọc A và K thỏa thuận mua, bán xe giá 4.000.000đ. Sau đó K điều khiển xe Airblade, BKS: 90B1 - 152.76 đi gửi tại cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Lê Văn N ở phường M, thành phố Hưng Yên, N điều khiển xe của mình chở K quay lại chỗ hẹn mà Ngọc A đang chờ. Khi N chở K về chỗ Ngọc A. K đưa cho Ngọc A 500.000đ, nói: "em cầm tạm năm trăm trước", Ngọc A đồng ý cầm tiền rồi cùng N đi về. Khi đến vườn Thánh B, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội, Ngọc A lấy mũ

bảo hiểm, 02 áo mưa của anh P vứt tại khu vực này. Khoảng 19 giờ cùng ngày, K đến cửa hàng của Lê Văn N để lấy xe Airblade đã gửi và lấy BKS: 29H8 - 0608 do K nhặt được, lắp vào xe để tránh bị phát hiện. Tối ngày 11/12/2017, K trả tiền mua xe cho Ngọc A và N là 900.000đ tại nhà K ở thôn T, xã M, huyện P. Khoảng 09 giờ ngày 13/12/2017, K gọi điện, nhờ anh Trần Văn T trả tiền mua xe cho Ngọc A 500.000đ tại cửa hàng sửa chữa xe máy của anh T ở thôn T, xã M, huyện P. Tổng số tiền mua xe K đã trả là 1.900.000đ.

Ngày 14/12/2017, anh Nguyễn Hồng P trình báo sự việc bị mất cắp. Ngày 15/12/2017 Trịnh Ngọc A, Trịnh Hoàng N, Quách Đình K bị Cơ quan CSĐT Công an huyện D bắt khẩn cấp.

Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐ ngày 14/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D: 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại Airblade, màu sơn đỏ, đen, BKS 90B1 - 152.76 đã qua sử dụng có giá 18.000.000đ; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Honda, màu xanh nước biển, loại mũ nửa đầu đã qua sử dụng có giá 40.000đ.

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 05/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Trịnh Ngọc A, Trịnh Hoàng N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố Quách Đình K về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trịnh Ngọc A từ 15 đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trịnh Hoàng N từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Quách Đình K từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Nguyễn Thị H: 01 xe mô tô BKS 90B1 – 284.18 và 01 mũ bảo hiểm. Trả lại bị cáo Quách Đình K: 09 chùm chìa khóa, mỗi chùm gồm 02 chìa; 09 chìa khóa đơn mỗi chìa đều có chữ Honda; 06 chìa khóa đơn trên biểu tượng có dấu sao; 02 mũ bảo hiểm; 03 đôi gương chiếu hậu; 01 mũi van kim loại; 01 mỏ lết kim loại; 01 cờ lê kim loại; 02 tô vít. Tịch thu tiêu hủy: 01 BKS 29H8 – 0608. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 1280 và tuyên án phí đối với các bị cáo.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

[2] Sau khi đã bàn bạc, thống nhất khoảng 13 giờ ngày 10/12/2017, Trịnh Hoàng N điều khiển xe mô tô BKS 90B1 – 284.18 chở Trịnh Ngọc A đến khu vực trước quán của anh Nguyễn Hồng P ở Khu đô thị H, huyện D, tỉnh Hà Nam, phát hiện xe mô tô Airblade, BKS: 90B1 – 152.76 của anh P không có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm ổ khóa điện xe, Ngọc A xuống xe, tiến đến mở khóa điện chiếc xe mô tô Airblade của anh P rồi nổ máy, điều khiển, cùng N chạy trốn. Sau đó Ngọc A và N đã thỏa thuận bán chiếc xe Airblade cho Quách Đình K. K biết rõ chiếc xe Airblade là tài sản do Ngọc A và N trộm cắp nhưng do ham giá rẻ nên K mua xe Airblade với giá 4.000.000đ. K đã trả Ngọc A và N được 1.900.000đ. Kết luận định giá tài sản ngày 14/12/2017: 01 xe mô tô, BKS 90B1 – 152.76 có giá 18.000.000đ; 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu có giá 40.000đ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 18.040.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của Trịnh Ngọc A, Trịnh Hoàng N đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của Quách Đình K đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Ngọc A có nhân thân xấu, các bị cáo Trịnh Hoàng N, Quách Đình K có nhân thân tốt; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; các bị cáo Trịnh Hoàng N, Quách Đình K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo N, K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vụ án này thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Ngọc A khởi xướng nên giữ vai trò đầu vụ, bị cáo N giữ vai trò đồng phạm.

Từ nhận định trên xét thấy mặc dù đã bị kết án nhưng bị cáo Ngọc A không chịu cải sửa khi tái hòa nhập cộng đồng mà vẫn tiếp tục phạm tội do vậy cần cách

ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Đối với Trịnh Hoàng N, Quách Đình K có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của gia đình, xã hội.

Đối với chị Nguyễn Thị H không biết N dùng xe đi trộm cắp tài sản; anh Phạm Minh C không biết K điều khiển xe ô tô của mình đến gặp Ngọc A, N để bàn bạc việc gì; anh Lê Văn N cho K gửi xe Airblade nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp; Trần Văn T giúp K trả Ngọc A 500.000đ nhưng không biết K trả tiền Ngọc A về việc gì do vậy không có căn cứ để xử lý theo quy định pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp thực tế.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Hồng P đã nhận lại tài sản nay không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Anh T đã trả giúp cho bị cáo 500.000đ nhưng sau đó đã nhận lại tiền nay không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với: 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại Airblade, màu sơn đỏ, đen, đã qua sử dụng; 01 đôi gương chiếu hậu màu đen; 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 sổ điều trị bệnh đều mang tên Nguyễn Hồng P; 01 kìm bấm cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Hồng P nên không đặt ra xem xét.

Đối với: 01 xe mô tô Wave S110, BKS: BKS 90B1 – 284.18 là tài sản của chị Nguyễn Thị H hình thành trước khi kết hôn và chị không biết bị cáo N dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản và 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu sơn đỏ, trắng, đen cần trả lại cho chị H.

Đối với: 09 chùm chìa khóa, mỗi chùm gồm 02 chìa; 09 chìa khóa đơn mỗi chìa đều có chữ Honda; 06 chìa khóa đơn trên biểu tượng có dấu sao; 02 mũ bảo hiểm; 03 đôi gương chiếu hậu; 01 mũi vam kim loại; 01 mỏ lết kim loại; 01 cờ lê kim loại; 02 tô vít là những tài sản thu giữ của bị cáo K nên trả lại cho bị cáo.

Đối với: 01 điện thoại di động Nokia 1280 bên trong có 01 sim Viettel, là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Đối với 01 biển kiểm soát 29H8 – 0608 cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Ngọc A, Trịnh Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Quách Đình K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Trịnh Ngọc A 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Trịnh Hoàng N 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/3/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Quách Đình K 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/3/2018).

Giao các bị cáo Trịnh Hoàng N, Quách Đình K cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2.Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 90B1 – 284.18 và 01 mũ bảo hiểm kiểu nửa đầu màu đỏ, trắng, đen.

- Trả lại bị cáo Quách Đình K: 09 chùm chìa khóa, mỗi chùm gồm 02 chìa; 09 chìa khóa đơn mỗi chìa đều có chữ Honda; 06 chìa khóa đơn trên biểu tượng có dấu sao; 02 mũ bảo hiểm; 03 đôi gương chiếu hậu; 01 mũi van kim loại; 01 mỏ lết kim loại; 01 cờ lê kim loại; 02 tô vít

- Tịch thu tiêu hủy: 01 biển kiểm soát 29H8 – 0608

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 1280;

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện D và Thi hành án dân sự huyện D ngày 03/02/2018).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội các bị cáo Trịnh Ngọc A, Trịnh Hoàng N, Quách Đình K mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;*
- *Công an huyện D;*
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục THADS huyện D;*
- *Bị cáo; đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*